

Bản án số: 04/2019/LĐ-ST

Ngày: 09/5/2019

V/v Tranh chấp về tiền lương,
tiền trợ cấp thôi việc, tiền trợ cấp
thất nghiệp và chốt sổ bảo hiểm
xã hội khi chấm dứt hợp đồng lao
động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phương Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em – Cán bộ hưu trí
2. Ông Nguyễn Đình Rành – Ủy viên Ban Thường vụ Liên đoàn lao động Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Ngọc Đức – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên

Trong các ngày 25/4, ngày 06/5 và ngày 09/5/2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 7 xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án lao động thụ lý số 24/2018/TLST-LĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp về tiền lương, tiền trợ cấp thôi việc, tiền trợ cấp thất nghiệp và chốt sổ bảo hiểm xã hội khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-LĐ ngày 05 tháng 03 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/QĐST-LĐ ngày 04/4/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1962 (Có mặt)

Địa chỉ: khu phố X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tri Đ, luật sư của Công ty Luật 360 thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt)

2. Bị đơn: Công Ty cổ phần T

Địa chỉ trụ sở: đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh
Người đại diện theo pháp luật của công ty: Ông Huỳnh Văn Chánh T –
Chức vụ: Tổng Giám đốc
Người đại diện hợp pháp: Ông Đặng Bá K, sinh năm 1981 (Có mặt)
Là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 32/GUQ-CPTC ngày 23/4/2019

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Bảo hiểm xã hội Quận Z, Thành Phố Hồ Chí Minh
Trụ sở: đường X, phường L, Quận Z, Thành Phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H – chức vụ: Giám đốc
Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Duy H, sinh năm 1974 (Có yêu cầu xét xử vắng mặt)
Là người đại diện ủy quyền theo văn bản ủy quyền số 588/GUQ-BHXXH ngày 24/12/2018

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 31 tháng 8 năm 2018, các bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Ông bắt đầu làm việc tại Công Ty Cổ phần T (Sau đây gọi tắt là Công ty T) từ ngày 01/10/1984, đến ngày 01/01/2007 giữa ông và Công ty T ký kết hợp đồng lao động số 149 là loại hợp đồng không xác định thời hạn. Theo Quyết định số 090/QĐ-CPTC ngày 09/5/2016 về việc xếp chuyển lương mới cho CBCNV của Công ty cổ phần T thì ông với Chức vụ là Trưởng phòng Quản lý thiết bị, bậc 8/8, tiền lương là 7.611.000 đồng/tháng (trong đó bao gồm tiền lương là 6.611.000 đồng, phụ cấp là 1.000.000 đồng).

Đến ngày 01/4/2018 ông nghỉ việc theo Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 38/QĐ-CPTC ngày 03/5/2018 của Công ty T. Tại Điều 2 của Quyết định trên nêu rõ

“Điều 2: Ông Nguyễn Hữu H có thời gian làm việc tại công ty là 33 năm 06 tháng (Từ tháng 10/1984 – 03/2018)

- Thời gian trả trợ cấp thôi việc là 24 năm 03 tháng (Từ tháng 10/1984-12/2008), tính tròn 24 năm 06 tháng

- Tiền lương bình quân để trả trợ cấp thôi việc: 7.611.000 đồng

- Số tiền trợ cấp: 7.611.000đ x 24,5 năm x 1/2: 93.234.750 đồng”

Tuy nhiên cho đến nay ông vẫn chưa nhận được số tiền trợ cấp thôi việc là 93.234.750 đồng, đồng thời Công ty T vẫn chưa thực hiện việc chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông, việc này làm ảnh hưởng đến thời hạn thực hiện thủ tục hưởng trợ cấp thất nghiệp nên Bảo hiểm xã hội đã không chi trả cho ông số tiền trợ cấp thất nghiệp là 41.099.400 đồng. Ngoài ra, công ty chỉ mới ứng một phần lương năm 2016 cho ông với số tiền là 100.000.000 đồng, số tiền lương còn lại của năm 2016 công ty vẫn chưa thanh toán.

Ông đã nhiều lần liên hệ với Công ty T đề nghị thực hiện: trả tiền trợ cấp thôi việc là 93.234.750 đồng, trả số tiền lương còn lại của năm 2016, trả số tiền trợ cấp thất nghiệp cho ông là 41.099.400 đồng, thực hiện việc chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội nhưng Công ty nêu lý do công ty gặp khó khăn về tài chính và ông chưa hoàn tất bàn giao công việc cho công ty nên công ty không thể chốt và trả sổ Bảo hiểm được. Đối với vấn đề này, ông có ý kiến như sau:

Ngày 02/01/2018, ông gửi đơn xin nghỉ việc không lương và trực tiếp Tổng Giám đốc Công ty là ông Huỳnh Văn Chánh T đồng ý, đồng thời yêu cầu ông bàn giao công việc cho ông Lê Võ Ngọc L, lúc đó là Phó Tổng Giám đốc phụ trách thiết bị. Ngày 10/01/2018, Công ty ra quyết định số 15/QĐ-CPTC giao ông Lê Võ Ngọc L, Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Trưởng phòng Quản Lý Thiết Bị, để tiếp nhận công việc do ông bàn giao.

Ngày 05/02/2018, ông đã hoàn tất bàn giao công việc đã làm cho ông Lê Võ Ngọc L và đã có ký nhận biên bản lập thành 03 bản, ông Long giữ 01 bản, ông giữ 01 bản và bà Nh (Trưởng phòng Tổ chức hành chính) giữ 01 bản.

Theo thông báo của bà Nh, Công ty ra Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động chỉ khi người lao động đã bàn giao hết mọi công việc đã làm và không còn nợ tiền cá nhân. Do vậy, đến ngày 03/05/2018, Công ty ban hành Quyết định số 38/QĐ-CPTC về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông, kể từ ngày 01/04/2018.

Trong suốt thời gian từ thời điểm ông bàn giao công việc xong, lãnh đạo công ty không có bất kỳ yêu cầu nào về bổ sung thêm nội dung bàn giao thông qua văn bản, điện thoại hay email.

Ngày 29/08/2018, Phòng Lao Động Thương Binh và Xã Hội Quận Z đã lập Biên bản hòa giải số 21/BBHG về tranh chấp lao động, tuy nhiên Công ty vẫn không có thiện chí chốt trả sổ bảo hiểm và các khoản tiền trợ cấp thôi việc, tiền lương 2016, mất hưởng tiền trợ cấp thất nghiệp từ bảo hiểm xã hội cho ông.

Đến ngày 06/09/2018, ông Lê Võ Ngọc L gọi điện thông báo lãnh đạo Công ty đã chấp nhận Biên bản bàn giao công việc của ông và đồng ý đóng tiền chốt sổ bảo hiểm cho ông (có ghi âm cuộc điện thoại). Ngày 07/09/2018, bà Nhàn là trưởng phòng Tổ chức Hành chánh cũng gọi điện thông báo cho ông là lãnh đạo công ty đã chấp nhận Biên bản bàn giao của ông và phòng Tổ chức Hành chánh đã làm hồ sơ chốt sổ bảo hiểm cho ông, gửi phòng Tài chính - Kế toán công ty thanh toán, lấy sổ bảo hiểm xã hội để trả cho ông (có ghi âm cuộc điện thoại). Nhưng đến nay ông vẫn chưa nhận được sổ bảo hiểm xã hội.

Nay, ông đề nghị Công ty cổ phần T phải:

1. Thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền là 93.234.750 (Chín mươi ba triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi) đồng theo Điều 2 của Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 38/QĐ-CPTC ngày 03/5/2018;

2. Thanh toán tiền lương còn lại của năm 2016 là 75.000.000 (Bảy mươi lăm triệu) đồng;

3. Thanh toán tiền trợ cấp thất nghiệp là 41.099.400 (Bốn mươi một triệu không trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm) đồng;

4. Thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho ông.

Tổng cộng Công ty phải thanh toán số tiền là 206.936.685 (Hai trăm lẻ sáu triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm tám mươi lăm) đồng, tất cả trả làm 01 lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

* Tại bản tự khai ngày 07/11/2018 và các biên bản hòa giải, bị đơn Công ty cổ phần T có bà Trương Đỗ Thanh Nh và tại phiên tòa có ông Đặng Bá K là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông xác nhận phần trình bày ông Nguyễn Hữu H về thời gian làm việc và Hợp đồng ký kết giữa hai bên là đúng.

Ngày 03/5/2018, Công ty Cổ phần T ban hành Quyết định số 38/QĐ-CPTC về việc chấm dứt hợp đồng lao động với ông Nguyễn Hữu H. Theo đó, tại Điều 2 của Quyết định trên có ghi nhận số tiền trợ cấp thôi việc cho ông H là 93.234.750 đồng.

Đối với tiền lương năm 2016, Công ty đã chi trả cho ông H số tiền là 100.000.000 đồng.

Đối với số tiền bảo hiểm thất nghiệp mà ông H yêu cầu, Công ty cho rằng đây là chế độ do bảo hiểm xã hội chi trả, đề nghị ông H làm việc với cơ quan bảo hiểm xã hội để được thanh toán số tiền này.

Đối với vấn đề Công ty chưa chốt và sổ bảo hiểm xã hội cho ông H là do ông H chưa hoàn thành xong công tác bàn giao theo yêu cầu của Công ty. Cụ thể: Đối với việc sửa chữa hoán cải tàu HF67, chưa có biên bản bàn giao cụ thể, chi tiết hiện trạng của tàu tại thời điểm ông H nghỉ việc; Đối với sửa chữa máy ủi D50p-16-1 và máy đào Cat 14: thực hiện kiểm tu, sửa chữa từ tháng 12/2017 đến thời điểm ông H nghỉ việc chưa làm biên bản nghiệm thu, bàn giao. Ngoài ra, thời gian ông H còn làm việc tại công ty với chức vụ Trưởng phòng quản lý thiết bị đã vi phạm nghiêm trọng trong việc tham mưu cho lãnh đạo về vấn đề mua bán tài sản của công ty làm Công ty bị thiệt hại. Sau khi ông H hoàn tất công tác bàn giao cho Công ty và khắc phục những thiệt hại do việc tham mưu sai thì Công ty sẽ chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông H.

Nay, đối với các yêu cầu của ông Hồng, công ty có ý kiến như sau:

1. Đối với việc chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho ông H: Sau khi ông H hoàn tất công tác bàn giao cho Công ty và khắc phục những thiệt hại do việc tham mưu sai thì Công ty sẽ chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông H

2. Đối với tiền trợ cấp thôi việc với số tiền là 93.234.750 (Chín mươi ba triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi) đồng, Công ty xác nhận số tiền này theo Quyết định số 38/QĐ-CPTC về việc chấm dứt hợp đồng lao động. Tuy nhiên, Công ty chỉ đồng ý thanh toán cho ông H sau khi ông H hoàn tất công tác bàn giao cho Công ty và khắc phục những thiệt hại do việc tham mưu sai.

3. Đối với tiền lương còn lại của năm 2016 là 75.000.000 (Bảy mươi lăm triệu) đồng, công ty không đồng ý

4. Đối với tiền trợ cấp thất nghiệp là 41.099.400 (Bốn mươi một triệu không trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm) đồng, công ty không đồng ý

* Tại bản tự khai ngày 24/12/2018, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo Hiểm xã hội Quận Z có ông Phạm Duy H là người đại diện theo ủy quyền trình bày ý kiến:

Công ty cổ phần T tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho người lao động tại Bảo hiểm xã hội Quận 7 với mã đơn vị là QW0483G.

Công ty cổ phần T tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho ông Nguyễn Hữu H với mã số BHXH 0296158366 từ tháng 07/2006 đến tháng 03/2018. Tháng 4/2018 công ty lập thủ tục báo ngưng tham gia BHXH cho người lao động. Công ty đã đóng BHXH đến hết tháng 8/2017. Nợ quỹ BHXH từ tháng 09/2017. Công ty chưa lập thủ tục xác nhận quá trình tham gia cho người lao động.

Về bảo hiểm thất nghiệp, theo quy định trong vòng 03 tháng kể từ ngày quyết định nghỉ việc có hiệu lực, người lao động đến trung tâm giới thiệu việc làm để làm thủ tục hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Số tiền được hưởng BHTN của ông H là $7.611.000 \times 60\% \times 9 = 41.099.400$ đồng. Trường hợp ông H đến thời điểm hiện tại đã quá thời hạn để làm trợ cấp thất nghiệp.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn, ông H có ý kiến: Ông không đồng ý đối với ý kiến của ông Khánh cho rằng trong thời gian ông còn làm việc tại công ty với chức vụ Trưởng phòng quản lý thiết bị đã vi phạm nghiêm trọng trong việc tham mưu cho lãnh đạo về vấn đề mua bán tài sản của công ty làm Công ty bị thiệt hại.

Ông đề nghị rút yêu cầu Công ty thanh toán tiền lương còn lại của năm 2016 là 75.000.000 (Bảy mươi lăm triệu) đồng, sau này nếu có yêu cầu ông sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác. Do vậy tại phiên tòa hôm nay, ông yêu cầu Công ty phải: thanh toán tiền trợ cấp thôi việc là 93.234.750 (Chín mươi ba triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi) đồng; Thanh toán tiền trợ cấp thất nghiệp là 41.099.400 (Bốn mươi một triệu không trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm) đồng; Thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho ông. Tổng cộng số tiền là 134.334.150 (Một trăm ba mươi bốn triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn một trăm năm mươi) đồng, tất cả trả làm 01 lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật

Ngoài ra, ông không yêu cầu Công ty phải trả tiền lãi do chậm thanh toán tiền trợ cấp thôi việc đối với ông.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày ý kiến:

Đối với ý kiến của đại diện Công ty đưa ra là trong thời gian ông H còn làm việc tại công ty với chức vụ Trưởng phòng quản lý thiết bị đã vi phạm nghiêm trọng trong việc tham mưu cho lãnh đạo về vấn đề mua bán tài sản của công ty làm Công ty bị thiệt hại là không có căn cứ.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật lao động và Điều 46 Luật việc làm năm 2013 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu Công ty phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc với số tiền là 93.234.750 (Chín mươi ba triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi) đồng theo Điều 2 của Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 38/QĐ-CPTC ngày 03/5/2018; Thanh toán tiền trợ cấp thất nghiệp là 41.099.400 (Bốn mươi một triệu không trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm) đồng và thực hiện việc chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả lại sổ bảo hiểm xã hội cho ông H. Tổng cộng Công ty phải thanh toán số tiền là 134.334.150 (Một trăm ba mươi bốn triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn một trăm năm mươi) đồng, tất cả trả làm 01 lần ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn, ông Đặng Bá K trình bày: Ông vẫn giữ nguyên ý kiến trên. Đối với tiền lương, ông cho rằng ngoài khoản tiền lương công ty chỉ trả cho người lao động hằng tháng thì chỉ còn tiền thưởng lễ, Tết, ngoài ra không còn khoản tiền nào khác.

* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, TP. Hồ Chí Minh:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có trách nhiệm thanh toán tiền trợ cấp thôi việc là 93.234.750 đồng, tiền trợ cấp thất nghiệp là 41.099.400 đồng và thực hiện việc chốt sổ BHXH cho ông. Đình chỉ đối với yêu cầu tiền lương còn lại của năm 2016 là 75.000.000 đồng.

Về án phí: Công ty T phải chịu án phí đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần T thanh toán tiền trợ cấp thôi việc là 93.234.750 (Chín mươi ba triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi) đồng, tiền trợ cấp thất nghiệp là 41.099.400 (Bốn mươi một triệu không trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm) đồng, tiền lương còn lại của năm 2016 là 75.000.000 (Bảy mươi lăm triệu) đồng và trả sổ Bảo hiểm xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết là: tranh chấp về tiền lương, tiền trợ cấp thôi việc, tiền trợ cấp thất nghiệp

và chốt sổ bảo hiểm xã hội khi chấm dứt hợp đồng lao động, nguyên đơn cho rằng ông bị xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp nên ông có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0300565610, đăng ký lần đầu ngày 27/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 14/3/2016 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì bị đơn Công ty cổ phần T có địa chỉ trụ sở tại số đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm b, d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về thủ tục ủy quyền của bị đơn: Ngày 09/10/2018, Công ty cổ phần T có văn bản số 142/GUQ-CPTC về việc ủy quyền cho bà Trương Đỗ Thanh Nh tham gia tố tụng và giải quyết toàn bộ vụ án. Đến ngày 23/4/2019, Công ty có văn bản số 32/GUQ-CPTC về việc ủy quyền cho ông Đặng Bá K tham gia tố tụng, giải quyết toàn bộ vụ án và văn bản ủy quyền này thay thế văn bản số 142/GUQ-CPTC nên việc ủy quyền này là hợp lệ.

Ông Phạm Duy H là đại diện ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động cá nhân, thời hiệu khởi kiện là 01 năm. Ngày 03/5/2018 Công ty T ban hành Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 38/QĐ-CPTC đối với ông Nguyễn Hữu H. Ngày 29/8/2018, hòa giải viên lao động thuộc phòng lao động thương binh xã hội Quận 7 lập biên bản hòa giải giữa ông H và Công ty T, kết quả hòa giải không thành. Ngày 31/8/2018, ông H nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân Quận 7. Căn cứ khoản 2 Điều 202 của Bộ luật lao động năm 2012, đơn khởi kiện của ông H còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền là 206.936.685 (Hai trăm lẻ sáu triệu chín trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm tám mươi lăm) đồng, trong đó bao gồm: Tiền trợ cấp thôi việc là 93.234.750 (Chín mươi ba triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi) đồng, tiền trợ cấp thất nghiệp là 41.099.400 (Bốn mươi một triệu không trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm) đồng, tiền lương còn lại của năm 2016 là 75.000.000 (Bảy mươi lăm triệu) đồng và trả sổ Bảo hiểm xã hội. Tất cả trả làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[4.1] Đối với yêu cầu Công ty thanh toán số tiền trợ cấp thôi việc:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thấy rằng giữa ông H với Công ty T hai bên có ký kết hợp đồng lao động không xác định thời hạn số 149 ngày 01/01/2007. Đến ngày 02/01/2018 ông H có đơn xin nghỉ việc nên Công ty T ban hành Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 38/QĐ-CPTC ngày 03/5/2018 với ông H. Theo Điều 2 của quyết định trên thì ông làm việc tại công ty từ tháng 10 năm 1984 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, tính tròn là 24 năm 06 tháng, với tiền lương bình quân để trả trợ cấp thôi việc là 7.611.000 đồng, do vậy số tiền trợ cấp thôi việc mà ông Hồng nhận là 93.234.750 (Chín mươi ba triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi) đồng nhưng Công ty T chưa thanh toán cho ông.

Căn cứ vào Điều 48 Bộ luật lao động năm 2012 quy định về trợ cấp thôi việc :

“1. Khi hợp đồng lao động chấm dứt theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9 và 10 Điều 36 của Bộ luật này thì người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp một nửa tháng tiền lương.

2. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc.

3. Tiền lương để tính trợ cấp thôi việc là tiền lương bình quân theo hợp đồng lao động của 06 tháng liền kề trước khi người lao động thôi việc. ”

Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền trợ cấp thôi việc cho ông H đã được Công ty ghi cụ thể tại Điều 2 của Quyết định số 38/QĐ-CPTC ngày 03/5/2018 tuy nhiên đến nay công ty vẫn không trả cho nguyên đơn nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn Công ty T phải thanh toán số tiền 93.234.750 (Chín mươi ba triệu hai trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi) đồng là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật lao động nên có cơ sở để chấp nhận.

Tại phiên tòa ông H xác nhận không yêu cầu Công ty phải trả tiền lãi do chậm thanh toán tiền trợ cấp thôi việc đối với ông nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

[4.2] Đối với việc chốt sổ bảo hiểm xã hội và trả lại sổ bảo hiểm xã hội:

Tại phiên tòa, Công ty trình bày do ông H chưa hoàn tất bàn giao công việc cho công ty và trong thời gian ông Hồng còn làm việc tại công ty với chức vụ Trưởng phòng quản lý thiết bị đã vi phạm nghiêm trọng trong việc tham mưu cho lãnh đạo về vấn đề mua bán tài sản của công ty làm Công ty bị thiệt hại. Công ty chỉ đồng ý việc chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông H khi ông H bàn giao xong những vấn đề nêu trên và khắc phục những thiệt hại do việc tham mưu sai. Công ty xác nhận từ ngày 05/02/2018 đến trước ngày 29/8/2018 là ngày các bên

làm việc tại phòng lao động thương binh xã hội Quận 7 thì công ty không có bất kỳ văn bản nào yêu cầu ông H hoàn tất việc bàn giao những công việc còn thiếu và khắc phục những thiệt hại do việc tham mưu sai.

Ông H cho rằng vào ngày 05/02/2018 ông đã hoàn tất bàn giao toàn bộ công việc đã làm cho ông Lê Võ Ngọc L (Chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Trưởng phòng Quản Lý Thiết Bị tiếp nhận công việc theo quyết định số 15/QĐ-CPTC ngày 10/01/2018), thể hiện bằng Biên bản bàn giao nhiệm vụ Phòng quản lý thiết bị ngày 05/02/2018 nên ông không đồng ý với ý kiến của Công ty về việc tiếp tục thực hiện bàn giao những vấn đề Công ty nêu trên. Đối với ý kiến trong thời gian ông còn làm việc tại công ty với chức vụ Trưởng phòng quản lý thiết bị đã vi phạm nghiêm trọng trong việc tham mưu cho lãnh đạo về vấn đề mua bán tài sản của công ty làm Công ty bị thiệt hại là không có căn cứ.

Xét thấy, ngày 05/02/2018 giữa ông H và đại diện công ty T đã cùng ký Biên bản bàn giao nhiệm vụ Phòng quản lý thiết bị, thể hiện đã hoàn tất bàn giao công việc đã làm của ông H tại Công ty và không bên nào có ý kiến gì khác. Mặt khác, từ ngày 05/02/2018 đến ngày ông H chính thức nghỉ việc tại công ty là ngày 01/04/2018 và đến trước ngày ngày 29/8/2018 là ngày các bên làm việc tại phòng lao động thương binh xã hội Quận 7, các bên không có ý kiến gì và Công ty không có văn bản nào đối với vấn đề bàn giao công việc của ông H. Do vậy, việc bàn giao công việc đã thực hiện xong giữa ông H và công ty, đồng thời Công ty đã ban hành Quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động số 38/QĐ-CPTC ngày 03/5/2018 đối với ông H theo đúng quy định. Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty T cho rằng ông H chưa hoàn tất bàn giao công việc nên không thực hiện việc chốt trả sổ BHXH cho ông H là không có cơ sở. Đối với vấn đề Công ty trình bày ông H có hành vi gây thiệt hại tài sản cho Công ty thì Công ty có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác đối với ông H.

Tại bản tự khai của đại diện Bảo hiểm xã hội Quận Z trình bày Công ty cổ phần T tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN cho ông Nguyễn Hữu H với mã số BHXH 0296158366 từ tháng 07/2006 đến tháng 03/2018. Tháng 4/2018 công ty lập thủ tục báo ngưng tham gia BHXH cho người lao động. Công ty đã đóng BHXH đến hết tháng 8/2017. Nợ quỹ BHXH từ tháng 09/2017. Công ty chưa lập thủ tục xác nhận quá trình tham gia cho người lao động.

Căn cứ Khoản 3 Điều 47 Bộ luật lao động năm 2012 quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động như sau:

“... 3. Người sử dụng lao động có trách nhiệm hoàn thành thủ tục xác nhận và trả lại sổ bảo hiểm xã hội và những giấy tờ khác mà người sử dụng lao động đã giữ lại của người lao động...”

Căn cứ Khoản 5 Điều 21 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động:

“... Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động, xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật ...”

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy đối với yêu cầu của ông H buộc Công ty T có trách nhiệm thực hiện chốt sổ BHXH và trả sổ cho ông H là có cơ sở nên chấp nhận

[4.3] Đối với yêu cầu Công ty trả số tiền trợ cấp thất nghiệp:

Do Công ty không thực hiện chốt và trả sổ BHXH cho ông H theo quy định để ông H tiến hành các thủ tục nhận tiền sau khi nghỉ việc là không đúng quy định của pháp luật, vấn đề này thuộc về lỗi của công ty.

Căn cứ Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về Bảo hiểm thất nghiệp, đối với hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp trong đó có quy định:

“... 3. Sổ bảo hiểm xã hội.

Tổ chức bảo hiểm xã hội thực hiện xác nhận về việc đóng bảo hiểm thất nghiệp và trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị của người sử dụng lao động...”

Căn cứ Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015, về việc nộp hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp:

“1. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc, người lao động chưa có việc làm và có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp phải trực tiếp nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị hưởng trợ cấp thất nghiệp theo đúng quy định tại Điều 16 của Nghị định này cho trung tâm dịch vụ việc làm tại địa phương nơi người lao động muốn nhận trợ cấp thất nghiệp...”

Xét, ông H có nhu cầu hưởng trợ cấp thất nghiệp nhưng công ty T không trả sổ bảo hiểm xã hội cho ông đồng thời quyết định chấm dứt hợp đồng đối với ông H từ ngày 01/4/2018 thì trong thời hạn 03 tháng ông H phải làm hồ sơ thủ tục để hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định. Hiện nay đã quá thời hạn quy định để ông H hưởng trợ cấp thất nghiệp, mặc dù việc chi trả số tiền bảo hiểm thất nghiệp thuộc về Cơ quan Bảo hiểm xã hội nhưng do công ty có lỗi trong việc không thực hiện chốt và trả sổ BHXH cho ông H nên Hội đồng xét xử xét thấy đối với việc ông H yêu cầu Công ty trả số tiền trợ cấp thất nghiệp là có cơ sở.

Căn cứ Điều 50 Luật việc làm 2013 quy định về mức hưởng trợ cấp thất nghiệp như sau:

“Điều 50. Mức, thời gian, thời điểm hưởng trợ cấp thất nghiệp

1. Mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hằng tháng bằng 60% mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của 06 tháng liền kề trước khi thất nghiệp nhưng tối đa không quá 05 lần mức lương cơ sở đối với người lao động

thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định hoặc không quá 05 lần mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Bộ luật lao động đối với người lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc.

2. Thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp được tính theo số tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp, cứ đóng đủ 12 tháng đến đủ 36 tháng thì được hưởng 03 tháng trợ cấp thất nghiệp, sau đó, cứ đóng đủ thêm 12 tháng thì được hưởng thêm 01 tháng trợ cấp thất nghiệp nhưng tối đa không quá 12 tháng.”

Theo trình bày của đại diện Bảo hiểm xã hội Quận 7 thì số tiền bảo hiểm thất nghiệp ông H được nhận là $7.611.000 \text{ đồng} \times 60\% \times 9 = 41.099.400 \text{ đồng}$.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy ông H yêu cầu công ty T có trách nhiệm trả trợ cấp thất nghiệp với số tiền 41.099.400 (Bốn mươi một triệu không trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm) đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4.4] Đối với yêu cầu thanh toán tiền lương còn lại của năm 2016: Tại phiên tòa nguyên đơn ông H đề nghị rút lại yêu cầu Công ty thanh toán tiền lương còn lại của năm 2016 là 75.000.000 (Bảy mươi lăm triệu) đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút lại là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần chấp nhận theo quy định pháp luật.

[4.5] Về thời gian thanh toán: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Xét yêu cầu của nguyên đơn không trái quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[5] Về án phí lao động sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: ông Nguyễn Hữu H, Công ty cổ phần T, Bảo hiểm xã hội Quận Z, Thành Phố Hồ Chí Minh có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận các yêu cầu về thanh toán tiền trợ cấp thôi việc là 93.234.750 đồng, tiền trợ cấp thất nghiệp là 41.099.400 đồng và thực hiện việc chốt sổ BHXH cho ông H và đình chỉ đối với yêu cầu thanh toán tiền lương còn lại của năm 2016 là 75.000.000 đồng là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm b, d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm d khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 266, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 47, Điều 48 của Bộ luật lao động;

- Căn cứ vào Khoản 5 Điều 21 của Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;
- Căn cứ vào Điều 50 của Luật việc làm năm 2013;
- Căn cứ vào Khoản 3 Điều 16, Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về Bảo hiểm thất nghiệp;
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Quận Z , Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

2.1. Buộc bị đơn Công ty cổ phần T có nghĩa vụ phải trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H tổng số tiền là 134.334.150 (Một trăm ba mươi bốn triệu ba trăm ba mươi bốn ngàn một trăm năm mươi) đồng, tất cả trả làm một lần ngay sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Buộc bị đơn Công ty cổ phần T có trách nhiệm hoàn thành thủ tục xác nhận và trả lại sổ Bảo hiểm xã hội và những giấy tờ khác có liên quan mà Công ty đã giữ lại cho nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H.

2.3 Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu H về việc yêu cầu bị đơn Công ty cổ phần T thanh toán tiền lương còn lại của năm 2016 với số tiền là 75.000.000 (Bảy mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bị đơn còn phải chịu tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2.4 Về án phí lao động sơ thẩm:

Nguyên đơn không phải chịu án phí lao động sơ thẩm.

Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 4.030.025 đồng (Bốn triệu không trăm ba mươi ngàn không trăm hai mươi lăm) đồng.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Báo cho các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ (Đức).

Lê Phương Thảo